

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-PT
Ngày 08-3-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Tiến.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Trần Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị G, sinh năm 1949.

Địa chỉ cư trú: Phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị G: Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm 1961, địa chỉ cư trú: Đường T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Nguyễn B, sinh năm 1978 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng Công chứng Đ.

Địa chỉ trụ sở: Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn P, Trưởng Văn phòng.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị G, là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị G, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H có mặt; ông Đặng Văn Phúc vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị G trình bày:

Nguyên thửa đất số 511, tờ bản đồ số 19, diện tích 613m² phường P do cha mẹ của bà tặng cho bà sau khi qua đời. Thửa đất này được Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà ngày 31/12/2014. Bà hiện còn 06 người con, ông Nguyễn B là con của bà. Các con bà đã có gia đình và ở riêng, bà đang sống một mình, không ai chăm sóc. Các giấy tờ về quyền sử dụng đất được bà giữ tại nhà. Vào ngày 30/8/2017, con trai và con dâu bà là ông Nguyễn B và bà Đặng Thị H đã mưu toan chiếm đoạt quyền sử dụng thửa đất của bà, nên đã lợi dụng việc bà không biết đọc, không biết viết và lừa bà lên xe máy chở bà đến Văn phòng Công chứng Đ và ép buộc bà lăn tay điểm chỉ vào giấy tờ nhưng không nói với bà về nội dung giấy tờ đó trước khi lăn tay, lúc đó ông B và bà H cũng không đọc cho bà nghe, nên bà không biết đó là văn bản gì, nội dung gì. Mới đây, khi các con của bà xem lại giấy tờ thì biết được quyền sử dụng đất của bà đã được tặng cho vợ chồng Nguyễn B và nói với bà thì bà mới biết việc bà điểm chỉ năm 2017 tại Văn phòng Công chứng Đ để tặng cho quyền sử dụng đất vợ chồng ông Nguyễn B. Bà có nhiều người con, nên bà chưa bao giờ có ý định tặng cho vợ chồng Nguyễn B. Cho nên, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng Đ công chứng ngày 30/8/2017 là giao dịch dân sự bị lừa dối, phản ánh sai lệch ý chí, nguyện vọng của một bên giao kết hợp đồng là bà, bà không hề có ý định tặng cho quyền sử dụng đất vợ chồng ông B.

Nay bà yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng được Văn phòng Công chứng Đ chứng thực số 15376 quyền số 01TP/2014/CC-SCC/HĐGD, ngày 30/8/2017 là vô hiệu.

Về giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu: Hủy nội dung điều chỉnh biến động tại trang tư của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Võ Thị G của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – chi nhánh Đ xác nhận ngày 13/9/2017 và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên bà Võ Thị G.

Theo các bản tự khai, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H trình bày:

Bà Võ Thị G là mẹ của ông, bà. Nguồn gốc thửa đất số 511, tờ bản đồ số 19, diện tích 631m² phường P được ông bà ngoại của ông bà là ông Võ S và bà Trần Thị Q (đều đã chết) tặng cho riêng vào năm 1975 theo “*giấy phân chia ruộng đất cho con*” do ông bà ngoại lập ngày 20/8/1975 (âm lịch) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cách mạng thôn T, xã P (nay là tổ dân phố T, phường P).

Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 19 diện tích 631m² có số hiệu là 185, có diện tích 01 sào, 03 thước. Sau khi ông bà ngoại ông tặng cho thì bà Võ Thị G đã quản lý, sử dụng ổn định; sau đó bà G đi đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT805392, số vào sổ GCN: CH03484 cấp ngày 31/12/2014. Đến ngày 20/8/2017, mẹ ông, bà tặng cho vợ chồng ông, bà quyền sử dụng đất tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 19 phường P được Văn phòng Công chứng Đ công chứng số 1537, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 30/8/2017. Sau đó, vợ chồng ông bà đã thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định và đã đăng ký biến động vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Võ Thị G theo quy định vào ngày 13/9/2017. Đến ngày 14/01/2022, vợ chồng ông, bà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Đ 593890, số vào sổ GCN: CS 08183 đối với thửa đất nêu trên. Căn cứ vào quy định của pháp luật có liên quan, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 511, tờ bản đồ số 19, diện tích 631m² phường P giữa bên tặng cho là bà Võ Thị G, bên được tặng cho là ông Nguyễn B và bà Đặng Thị H đã được Văn phòng Công chứng Đ chứng thực số 1537, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 30/8/2017 là Hợp đồng đáp ứng các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Thời điểm công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên, bà Võ Thị G hoàn toàn tự nguyện, bà G hoàn toàn không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép và có ông Nguyễn Minh Đ là người chứng kiến cho bà Võ Thị G áp chỉ vào Hợp đồng vì bà G già yếu không ký được. Do vậy, căn cứ vào các quy định trên, việc nguyên đơn bà Võ Thị G yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 511, tờ bản đồ số 19, diện tích 631 m² phường P đã được Văn phòng Công chứng Đ chứng thực số 1537, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 30/8/2017 vô hiệu là không có căn cứ, nên bị đơn không đồng ý. Bị đơn yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Đ trình bày:

Bà Võ Thị G và vợ chồng ông Nguyễn B và bà Đặng Thị H đến Văn phòng Công chứng Đ trình bày nhu cầu mong muốn làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, theo đó bà G tặng cho vợ chồng ông B, bà H thửa đất số 511. Công chứng viên Dương Hiền T và nhân viên là Đặng Thị Ý N yêu cầu 02 bên xuất trình bản gốc, bản sao các giấy tờ như Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu; Giấy đăng ký kết hôn/Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng tử; Giấy khai sinh. Do bà G không biết chữ nên Công chứng viên giải thích với 02 bên là phải có người làm chứng (là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng). Sau khi nghe công chứng viên giải thích thì 02 bên đã cung cấp cho Công chứng viên giấy tờ tùy thân của ông

Nguyễn Minh Đ, người làm chứng.

Sau khi kiểm tra các giấy tờ liên quan đến công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của các bên tham gia là hợp lệ; nhân viên tiến hành soạn thảo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và in ra một bản cho các bên tham gia giao dịch đọc kiểm tra bổ sung, sửa chữa sai sót. Các bên đọc, hiểu văn bản, đồng ý in ra 5 bản chính, lần lượt từng người tham gia giao dịch ký từng trang và điểm chỉ trước mặt Công chứng viên, 01 Bản chính lưu tại Văn phòng Công chứng Đ. Khi lập Hợp đồng, bà G hoàn toàn minh mẫn, tự nguyện, bà Võ Thị G đã được nghe đọc lại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và điểm chỉ trước mặt Công chứng viên có sự chứng kiến của người làm chứng ông Nguyễn Minh Đức vì bà G già yếu không ký được. Các thành viên tham gia giao dịch ký, điểm chỉ xong, Công chứng viên kiểm tra hồ sơ, văn bản lần cuối và ký từng trang trong văn bản; ký xong chuyển bộ phận văn thư lưu trữ đóng dấu, vào sổ Công chứng giao dịch; giao cho các bên tham gia 04 bản chính. Đối với người làm chứng thì ông Đ ký và ghi rõ họ tên vào mục người làm chứng. Riêng đối với 01 Hợp đồng tặng cho lưu tại Văn phòng thì ngoài việc ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên thì ông Đức sẽ phải ghi lời làm chứng vào Hợp đồng. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 30/8/2017 tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 9 giao cho đương sự và Hợp đồng lưu lại Văn phòng Công chứng Đ có lời xác nhận của người làm chứng đều là Hợp đồng hợp pháp, có giá trị pháp lý như nhau.

Việc bà Võ Thị G yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng Đ chứng thực số 1537, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 30/8/2017 vô hiệu là không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Bản án dân sự số 39/2022/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đ quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị G về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bên tặng cho là bà Võ Thị G, bên nhận tặng cho là ông Nguyễn B và bà Đặng Thị H được Văn phòng Công chứng Đ chứng thực số 1537, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 30/8/2017 tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 19, diện tích 631 m² phường P là vô hiệu.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị G đã tạm ứng 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi phí, tất toán xong. Do yêu cầu của bà G không được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng này.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25 tháng 10 và ngày 19 tháng 11 năm 2022, bà Võ Thị G kháng cáo với nội dung:

1. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1537 được Văn phòng Công chứng Đ chứng nhận ngày 30/8/2017 là vô hiệu, do bà Võ Thị G bị lừa lãn tay mà không biết nội dung trước khi lãn tay, do xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con bà G.

2. Tuyên hủy phần nội dung thay đổi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 805392, số vào sổ CH03484 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 31/12/2014.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Võ Thị G:

Ngày 30/8/2017, vợ chồng ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H chở bà Võ Thị G đi đến Văn phòng Công chứng Đ lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 511 cho vợ chồng ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H thì bà G không biết. Thửa đất số 511, có nguồn gốc là đất của cha mẹ bà G cho vợ chồng bà G năm 1975 (Giấy phân chia ruộng đất cho con) nên bà G không thể quyết định tặng cho toàn bộ thửa đất 511; việc tặng cho không có sự đồng ý của các con chung khác của bà Võ Thị G và ông Nguyễn B1 là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người này, vi phạm về quyền và nghĩa vụ của người quản lý di sản theo Điều 617 Bộ luật dân sự. Văn phòng Công chứng Đ khi công chứng đã không kiểm tra kỹ. Do đó, thửa đất 511 phát sinh quyền thừa kế, bà G bị lừa dối, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị G:

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà Võ Thị G tặng cho thửa đất số 511, tờ bản đồ số 19, diện tích 631 m², đất trồng cây hàng năm khác tại Vườn Quế, xã Phổ Thạnh, thị xã Đ cho vợ chồng ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 30/8/2017 vô hiệu.

- Tuyên hủy phần xác nhận biến động của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Đ sang tên ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Võ Thị G thửa đất 511.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Giấy phân chia ruộng đất cho con có chữ ký của ông Nguyễn B1 chồng bà G, sau đó vợ chồng bà G cùng canh tác trên thửa đất được cho. Tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, có hiệu lực tại Miền Nam ngày 25/3/1977 quy định: “*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*”. Như vậy, thửa 511 là tài sản chung của vợ chồng bà Võ Thị G và chồng là Nguyễn B1. Bà Võ Thị G không có quyền định đoạt tài sản chung, bà tự ý tặng cho toàn bộ thửa đất 511 cho vợ chồng ông Nguyễn B là vi phạm điều cấm của pháp luật. Cấp sơ thẩm không đưa các con của bà G với ông Bình tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hiện nay, trên thửa đất còn có tài sản là hàng móng đá xây và trụ bê tông nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Nên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thửa đất số 511, tờ bản đồ số 19, diện tích 631 m², đất trồng cây hàng năm khác tại Vườn Quế, xã Phổ Thạnh, huyện Đ (nay là thị xã Đ), được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị G ngày 31/12/2014 (viết tắt là thửa đất 511) có nguồn gốc là đất của cha mẹ bà G là cụ Võ Sướng và cụ Trần Thị Sao. Vào ngày 20/8/1975, cụ Võ S và cụ Trần Thị S1 đã lập *Giấy phân chia ruộng đất cho con* chia đất cho các con, chia cho bà Võ Thị G một phần đất trong thửa đất của các cụ, giấy này được thôn T xác nhận vào ngày 29/8/1975.

[2] *Giấy phân chia ruộng đất cho con* có chữ ký của chồng bà G là ông Nguyễn B1. Tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, có hiệu lực tại Miền Nam ngày 25/3/1977 quy định: “*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*”. Như vậy, phần đất cha mẹ bà G chia cho bà G (nay là thửa 511), là tài sản chung của vợ chồng bà Võ Thị G và chồng là Nguyễn B1. Ngày 24/11/2006, ông Nguyễn B1 chết, không để lại di chúc thì ½ quyền sử dụng đất của thửa đất 511 chuyển thành di sản của ông Nguyễn B1 để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Võ Thị G và các con chung của bà G với ông Bình theo quy định tại các Điều 633, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bà Võ Thị G cung cấp tài liệu bà và ông Nguyễn B1 có 07 người con chung là ông Nguyễn Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 (T1), bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn B, ông Nguyễn M (chết 2017), bà Nguyễn Thị L; vợ ông M là bà Phạm Thị D, con là Nguyễn Phạm Thúy L.

[3] Ngày 30/8/2017, bà Võ Thị G đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 511 cho vợ chồng ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H; hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ cùng ngày. Như đã phân tích tại phần [2], thửa đất 511 có phần tài sản chung chưa chia của các con bà Võ Thị G với ông Nguyễn B1, bà G lập hợp đồng tặng cho thửa đất 511 cho vợ chồng ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H, nhưng không có sự đồng ý của các con chung khác của bà Võ Thị G với ông Nguyễn B1 là ông Nguyễn Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 (T1), bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị L; vợ ông M là bà Phạm Thị D, con là Nguyễn Phạm Thúy L là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người này.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện trên thửa đất 511 chỉ có 05 ngôi mộ xây, ngoài ra không có tài sản gì khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận về phía Đông thửa đất 511 có chôn hàng móng xi măng, đá, chôn trụ bê tông. Nguyên đơn bà G khai do bà làm khi ông Bình còn sống; còn bà H, vợ ông B, khai các tài sản trên là do bà làm. Như vậy, trên thửa đất 511 còn có tài sản, mồ mã nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là thiếu sót.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nội dung: Cấp sơ thẩm thu thập đánh giá chứng cứ không đầy đủ, xác định quyền sử dụng đất thửa đất 511 là tài sản riêng của bà Võ Thị G là không chính xác; đồng thời chưa xem xét giải quyết tài sản, mồ mã trên đất.

Về tố tụng: Các con chung của bà Võ Thị G với ông Nguyễn B1 là ông Nguyễn Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 (T1), bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị L; vợ ông M là bà Phạm Thị D, con là Nguyễn Phạm Thúy L có liên quan trong vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Do đó, cần áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi giữa nguyên đơn bà Võ Thị G với bị đơn ông Nguyễn B, bà Đặng Thị H.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- TAND thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Lưu án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Tiến